

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 – 4
Báo cáo kiểm toán	5
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	6 – 39
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 – 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	11 – 12
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	13 – 39

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Alphanam (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Alphanam, trước đây là Công ty Cổ phần Alphanam Công nghiệp, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0503000009 ngày 30 tháng 11 năm 2001. Công ty Cổ phần Alphanam Công nghiệp đổi tên thành Công ty Cổ phần Alphanam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 03 ngày 24 tháng 11 năm 2006. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi từ lần thứ 7 ngày 16 tháng 6 năm 2009 chuyển thành số 0900191660. Trong quá trình hoạt động Công ty đã được sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi từ lần thứ 01 đến lần thứ 08.

Vốn điều lệ hiện nay của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là **438.204.000.000** đồng.

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 bao gồm:

- Sản xuất và kinh doanh các loại sơn và vật liệu xây dựng;
- Buôn bán các tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng;
- Đại lý mua bán các loại hàng hóa;
- Cho thuê mặt bằng nhà xưởng;
- Nhận ủy thác đầu tư.

Ngoài ra, Công ty không có hoạt động nào khác làm thay đổi chức năng kinh doanh đã được cấp phép.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Khu công nghiệp Phố Nối A, xã Trưng Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 39).

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2010 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Tuấn Hải	Chủ tịch
Ông Tạ Quốc Khánh	Ủy viên
Ông Nguyễn Quang Huy	Ủy viên
Ông Bùi Hoàng Tuấn	Ủy viên
Ông Nguyễn Tuấn Phương	Ủy viên
Bà Bùi Kim Yến	Ủy viên
Ông Phạm Văn Dũng	Ủy viên

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Tuấn Hải	Tổng Giám đốc	
Ông Tạ Quốc Khánh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Bùi Hoàng Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Quang Huy	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Văn Ứng	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Âu Thiên Hương	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Đỗ Thị Minh Anh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Bùi Đình Quý	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/4/2010
Ông Phan Anh Thu	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm ngày 09/12/2010
Ông Đỗ Quang Phong	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 09/12/2010

KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

Hưng Yên, ngày 13 tháng 4 năm 2011

**TM. Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc**



The stamp is a red circular seal. The outer ring contains the text 'S.Đ. K.K.D. 090018' at the top and 'H. VĂN LÂM T. HƯNG' at the bottom, separated by two stars. The center of the seal contains the text 'CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM'. A blue ink signature is written across the seal.

NGUYỄN TUẤN HẢI

Số: 94./2011/BCKT-AASCN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010
của Công ty Cổ phần Alphanam

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM**

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Alphanam được lập ngày 08 tháng 4 năm 2011 bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 06 đến trang 39 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn tại Hà Nội với ý kiến chấp nhận toàn phần có đoạn lưu ý người đọc.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến kiểm toán.

Vấn đề ảnh hưởng đến ý kiến của kiểm toán viên

Giá trị khoản đầu tư dài hạn khác vào các cổ phiếu chưa đăng ký niêm yết trên thị trường chứng khoán (OTC) tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 theo thuyết minh V.11.c (trang 27) chưa được trích lập dự phòng do không thu thập được báo giá của ít nhất 3 Công ty chứng khoán theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT – BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Do đó, chúng tôi không đánh giá được mức độ ảnh hưởng của việc không trích lập dự phòng nêu trên đến Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2010 của Công ty Cổ phần Alphanam.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ vấn đề nêu trên và ảnh hưởng của chúng, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Alphanam tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Hà Nội, ngày 13 tháng 4 năm 2011

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt



Bùi Ngọc Vương

Chứng chỉ KTV số: 0941/KTV

Kiểm toán viên



Bùi Ngọc Hà

Chứng chỉ KTV số: 0662/KTV

Headquarters

29 Hoang Sa Str., Dist. 1, Hochiminh City
Tel: (84-08) 3910 4881 * Fax: (84-08) 3910 4880
Email: infohcm@aascn.com.vn Web: www.aascn.com.vn

Branch in Hanoi

706 A5 Building, Thanglong Int. Village, Cau Giay Dist., Hanoi
Tel: (84-04) 3793 1428 * Fax: (84-04) 3793 1429
Email: infohn@aascn.com.vn

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		965.658.787.106	632.304.259.290
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110		77.060.328.531	53.121.048.641
1.	Tiền	111	V.01	20.856.528.531	24.621.048.641
2.	Các khoản tương đương tiền	112		56.203.800.000	28.500.000.000
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	263.392.572.242	263.017.686
1.	Đầu tư ngắn hạn	121		264.577.953.842	957.119.286
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		(1.185.381.600)	(694.101.600)
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		382.815.612.168	383.013.485.874
1.	Phải thu khách hàng	131		332.713.913.062	359.585.307.588
2.	Trả trước cho người bán	132		25.370.402.301	24.916.389.015
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Các khoản phải thu khác	135	V.03	31.006.704.517	2.729.490.065
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(6.275.407.712)	(4.217.700.794)
IV.	Hàng tồn kho	140		231.318.190.899	170.999.002.722
1.	Hàng tồn kho	141	V.04	231.318.190.899	170.999.002.722
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		11.072.083.266	24.907.704.367
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		3.124.041.713	2.076.189.909
2	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.111.715.097	3.112.899.968
3	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.05	25.583.585	-
4	Tài sản ngắn hạn khác	158		6.810.742.871	19.718.614.490

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trưng Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		585.609.114.388	563.315.632.035
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3.	Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4.	Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		107.119.765.970	112.756.314.995
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	90.026.002.052	95.169.031.877
	- Nguyên giá	222		143.285.403.786	135.051.083.001
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(53.259.401.734)	(39.882.051.124)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.07	1.875.792.758	-
	- Nguyên giá	225		2.164.376.238	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		(288.583.480)	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.08	10.292.985.011	10.421.342.663
	- Nguyên giá	228		13.284.887.600	12.770.390.395
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(2.991.902.589)	(2.349.047.732)
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.09	4.924.986.149	7.165.940.455
III.	Bất động sản đầu tư	240	V.10	2.607.000.000	49.500.000.000
1.	Nguyên giá	241		2.607.000.000	49.500.000.000
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	-
IV.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.11	407.854.364.368	311.544.718.800
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		22.565.729.390	-
3.	Đầu tư dài hạn khác	258		385.288.634.978	311.554.718.800
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		-	(10.000.000)
V.	Tài sản dài hạn khác	260		3.949.204.140	5.201.813.651
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	3.350.756.581	2.448.835.436
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		82.951.988	2.370.130.273
3.	Tài sản dài hạn khác	268		515.495.571	382.847.942
VI.	Lợi thế thương mại	269	V.13	64.078.779.911	84.312.784.589
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.551.267.901.494	1.195.619.891.325

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	NỢ PHẢI TRẢ	300		695.211.121.757	473.176.426.117
I.	Nợ ngắn hạn	310		570.712.870.062	463.304.860.156
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.14	265.109.288.432	166.018.131.085
2.	Phải trả người bán	312		88.159.959.335	156.786.632.734
3.	Người mua trả tiền trước	313		178.385.232.846	66.737.130.602
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.15	16.583.850.320	9.620.154.199
5.	Phải trả người lao động	315		8.028.228.073	4.895.240.496
6.	Chi phí phải trả	316	V.16	7.089.322.693	1.649.548.771
7.	Phải trả nội bộ	317		-	-
8.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.17	3.128.246.232	51.616.005.787
10.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		2.159.184.449	2.723.548.558
11.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2.069.557.682	3.258.467.924
II.	Nợ dài hạn	330		124.498.251.695	9.871.565.961
1.	Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2.	Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3.	Phải trả dài hạn khác	333		3.514.637.873	1.256.983.317
4.	Vay và nợ dài hạn	334	V.18	110.443.261.104	8.410.164.496
5.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		1.530.000.000	-
6.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		232.496.748	204.418.148
8.	Doanh thu chưa thực hiện	338		8.777.855.970	-
B.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		729.603.674.897	657.196.491.513
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.19	729.603.674.897	657.196.491.513
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		438.203.930.000	438.203.930.000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		181.796.020.000	181.796.020.000
4.	Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	(4.151.500.000)
6.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		5.884.684.682	5.035.776.186
7.	Quỹ đầu tư phát triển	417		4.649.596.131	4.649.596.131
8.	Quỹ dự phòng tài chính	418		435.087.978	270.593.675
9.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		3.807.986.471	3.807.986.471
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		94.826.369.635	27.584.089.050
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
C	LỢI ÍCH CỎ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	V.20	126.453.104.841	65.246.973.695
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.551.267.901.494	1.195.619.891.325

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1.	Tài sản thuê ngoài		-	-
2.	Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3.	Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4.	Nợ khó đòi đã xử lý		1.326.571.281	1.533.468.884
5.	Ngoại tệ các loại			
	USD		106.430,04	484.107,00
	EUR		8.359,39	146,24
	JPY		-	100,00
6.	Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-
7.	Mệnh giá cổ phiếu ủy thác		2.674.480.000	5.123.180.000

Hưng Yên, ngày 08 tháng 4 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Anh



Đỗ Quang Phong



Nguyễn Tuấn Hải

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2010

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	1.239.380.832.308	1.107.161.152.621
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	37.290.209.874	29.946.645.462
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.03	1.202.090.622.434	1.077.214.507.159
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.04	974.047.267.042	920.882.579.143
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		228.043.355.392	156.331.928.016
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.05	83.856.284.665	11.690.671.901
7.	Chi phí tài chính	22	VI.06	89.034.906.706	44.241.892.185
	Trong đó: Chi phí lãi vay	23		32.498.628.169	13.344.807.589
8.	Chi phí bán hàng	24		63.241.970.155	21.744.312.007
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		59.000.752.967	51.715.314.770
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		100.622.010.229	50.321.080.955
11.	Thu nhập khác	31		5.539.854.364	3.176.627.125
12.	Chi phí khác	32		6.750.848.312	2.125.082.033
13.	Lợi nhuận khác	40		(1.210.993.948)	1.051.545.092
14.	Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		(1.907.805.689)	-
15.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		97.503.210.592	51.372.626.046
16.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.07	12.475.236.168	2.447.048.484
17.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		3.817.178.284	(1.322.744.725)
18.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		81.210.796.140	50.248.322.287
18.1	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		12.512.293.454	9.242.001.577
18.2	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	62		68.698.502.687	41.006.320.711
19.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	V.19	1.568	936

Hưng Yên, ngày 08 tháng 4 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Anh



Đỗ Quang Phong



Nguyễn Tuấn Hải

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2010

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	Lợi nhuận trước thuế	01		97.503.210.592	51.372.626.046
2.	Điều chỉnh cho các khoản				
-	Khấu hao tài sản cố định	02		15.157.838.314	10.959.491.692
-	Các khoản dự phòng	03		2.538.986.918	(2.447.915.768)
-	(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	1.550.286
-	(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(37.061.193.789)	(7.266.509.518)
-	Chi phí lãi vay	06		32.498.628.169	13.344.807.589
3.	Lợi nhuận/(lỗ) từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08		110.637.470.204	65.964.050.327
-	(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		89.562.984.551	(169.501.591.327)
-	(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		(60.319.188.177)	(26.921.337.420)
-	Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(25.175.526.593)	139.571.522.074
-	(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		(1.949.772.949)	(1.296.338.086)
-	Tiền lãi vay đã trả	13		(31.533.426.769)	(13.105.286.726)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(7.093.599.121)	(221.750.482)
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		201.057.556.936	7.787.079.513
-	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(190.088.590.215)	(7.528.518.129)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		85.097.907.867	(5.252.170.257)
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
-	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(28.375.997.298)	(26.164.683.974)
-	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		271.352.119	1.542.750.967
-	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(456.133.184.710)	(5.633.058.226)
-	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		117.690.706.497	44.289.516.300
-	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		328.514.403.000	(36.150.570.000)
-	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		(232.655.196.668)	16.800.000.000
-	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		10.618.127.394	7.054.135.401
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(260.069.789.666)	1.738.090.468

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		784.600.597.932	403.267.049.996
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(585.287.569.008)	(326.442.443.690)
5.	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(460.875.449)	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(48.203.993.400)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		198.852.153.475	28.620.612.906
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		23.880.271.676	25.106.533.117
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		53.121.048.641	28.014.401.128
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		59.008.214	114.396
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		77.060.328.531	53.121.048.641

Hưng Yên, ngày 08 tháng 4 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Anh



Đỗ Quang Phong



 Nguyễn Tuấn Hải

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Năm 2010

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty cổ phần.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại và dịch vụ.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 bao gồm:

- Sản xuất và kinh doanh các loại sơn và vật liệu xây dựng;
- Buôn bán các tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng;
- Đại lý mua bán các loại hàng hóa;
- Cho thuê mặt bằng nhà xưởng;
- Nhận ủy thác đầu tư.

Ngoài ra, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề được cấp phép nhưng trong năm tài chính chưa phát sinh tại Công ty gồm:

- Sản xuất thiết bị điện và vật liệu điện;
- Sản xuất tủ bảng điện;
- Sản xuất thiết bị và máy cơ khí, thủy lực;
- Sản xuất các sản phẩm cơ khí chuyên dùng;
- Xây lắp các công trình điện đến 35KV;
- Sản xuất, lắp đặt thang máy;
- Sản xuất các sản phẩm nhựa composite.

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trưng Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

04. Thông tin về Công ty con được hợp nhất

Tên Công ty con	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ tại 31/12/2010	Quyền biểu quyết của Công ty mẹ	
			Tại ngày 31/12/2010	Tại ngày 31/12/2009
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Vinaconex - Alphanam	Số 33 Bà Triệu, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội	67,27%	67,27%	80,41%
Công ty Cổ phần Alphanam Miền Trung	Đường số 2, khu Công nghiệp Hòa Khánh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng	94,31%	94,31%	82,77%
Công ty Liên doanh Fuji – Alpha	Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trưng Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên	75,00%	75,00%	75,00%
Công ty Cổ phần Alpha Nam Sài Gòn	Lô III – 14, nhóm Công nghiệp III, khu Công nghiệp Tân Bình, đường số 1, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh	99,97%	99,97%	99,03%
Công ty Cổ phần Alphanam Cơ điện	79 Mai Hắc Đế, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội	51,00%	51,00%	81,26%

05. Thông tin về Công ty con bị loại khỏi quá trình hợp nhất

Tên Công con	Địa chỉ	Lý do bị loại khỏi quá trình hợp nhất
Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam	Số 02 Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	Đã thanh lý
Công ty Cổ phần Hùng Tiến Kim Sơn.	Số 47, Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh xuân, Hà Nội	Đã thanh lý
Công ty Cổ phần Cơ điện Đại Nam	Nhà số 7, dãy B9, khu tập thể Phan Lân Văn Điển, Hà Nội	Đã Thanh lý

06. Thông tin về Công ty liên kết, liên doanh

Tên Công ty liên kết	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích của Công ty tại ngày 31/12/2010
Công ty Cổ phần Pacific – Alpha Việt Nam	Tòa nhà Văn phòng Công ty Cổ phần Alphanam khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trưng Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên	49,0%
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hà Tây (Đầu tư gián tiếp qua Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển hạ tầng Vinaconex – Alphanam)	Số 33 Bà Triệu, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội	39,98%

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

03. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ, các khoản công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được ghi nhận trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 về việc hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp.

02. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

03. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình, TSCĐ thuê tài chính

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình, TSCĐ thuê tài chính

Khấu hao TSCĐ hữu hình, vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được xác định phù hợp với quy định tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

- Nhà xưởng	6 – 25 năm
- Thiết bị sản xuất:	5 – 7 năm
- Phương tiện vận tải	6 – 7 năm
- Thiết bị văn phòng	4 – 5 năm
- Tài sản cố định khác	5 – 6 năm

TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của Công ty. Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó.

04. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

05. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 01 năm hoặc trong 01 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 01 năm hoặc hơn 01 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn;

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trưng Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm cuối năm.

06. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

07. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác

Các khoản chi phí trả trước được vốn hóa để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh bao gồm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng phân bổ cho nhiều năm tài chính;
- Chi phí sửa chữa;
- Chi phí khác.

Chi phí trả trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng.

08. Lợi thế thương mại và bất lợi thương mại

Lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh lớn hơn phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng (nếu có) của bên bị mua. Lợi thế thương mại được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng, thời gian phân bổ không quá 10 năm.

Bất lợi thương mại là khoản chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh nhỏ hơn phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng (nếu có) của bên bị mua. Bất lợi thương mại được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả kinh doanh.

09. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán hợp nhất của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trưng Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng:

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong năm.

Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Doanh thu cung cấp dịch vụ: được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hợp đồng xây dựng:

Hợp đồng xây dựng mà Công ty đang thực hiện quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện. Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm. Kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính đáng tin cậy dựa trên hồ sơ nghiệm thu thanh toán với chủ đầu tư.

Doanh thu hoạt động tài chính:

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán;
- Chi phí tài chính khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trưng Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Hiện tại, Công ty và các Công ty con đang được hưởng các ưu đãi về thuế TNDN như sau:

Đối với Công ty mẹ: Công ty Cổ phần Alphanam:

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 052010000008 ngày 22 tháng 11 năm 2006 do Ban quản lý các khu Công nghiệp Hưng Yên cấp thì:

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm là 15% trong 12 năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh (năm 2006) và áp dụng thuế suất thuế thu nhập hiện hành trong các năm tiếp theo đối với hoạt động sản xuất sơn và bột bả; Được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 03 (ba) năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (năm 2007 là năm đầu tiên Công ty có thu nhập chịu thuế) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 05 (năm) năm tiếp theo đối với sản xuất sơn và bột bả.

Đối với Công ty con: Công ty Cổ phần Alphanam Miền Trung:

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế. Riêng đối với hoạt động sản xuất PP – PE, Công ty được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 20% trong thời hạn 10 (mười) năm kể từ khi doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh (từ năm 2004), được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 02 (hai) năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (năm 2008 là năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế) và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 05 (năm) năm tiếp theo.

Đối với Công ty Liên doanh Fuji – Alpha:

Công ty được áp dụng mức thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 15% trên thu nhập chịu thuế trong 12 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh (năm 2005). Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 03 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (năm 2007 là năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế) và giảm 50% trong 07 (bảy) năm tiếp theo.

14. Phương pháp lập báo cáo tài chính hợp nhất

Bảng cân đối kế toán hợp nhất được lập theo các bước sau:

- Hợp cộng các chỉ tiêu trong Bảng cân đối kế toán của Công ty mẹ và Công ty con trong Tập đoàn;
- Loại trừ giá trị ghi sổ khoản đầu tư của Công ty mẹ trong Công ty con và phần vốn của Công ty mẹ trong vốn chủ sở hữu của Công ty con và ghi nhận lợi thế thương mại;
- Phân bổ lợi thế thương mại;
- Tách lợi ích của cổ đông thiểu số;
- Loại trừ các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ Tập đoàn đang nằm trong giá trị tài sản (như hàng tồn kho, tài sản cố định, ...);
- Loại trừ các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đang phản ánh trong giá trị tài sản như hàng tồn kho hoặc tài sản cố định khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được;
- Loại trừ số dư các khoản mục phải thu, phải trả trên Bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn;

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Điều chỉnh các khoản đầu tư của Công ty mẹ và Công ty con vào Công ty liên kết, liên doanh được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ.

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất được lập theo các bước sau:

- Hợp cộng các chỉ tiêu trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ và Công ty con trong Tập đoàn;
- Phân bổ lợi thế thương mại;
- Loại trừ doanh thu, giá vốn của hàng hoá, dịch vụ cung cấp giữa các Công ty trong nội bộ Tập đoàn, lãi đi vay và thu nhập từ cho vay giữa các đơn vị trong nội bộ Tập đoàn, cổ tức đã phân chia và đã ghi nhận trong nội bộ Tập đoàn;
- Loại trừ các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ Tập đoàn đang nằm trong giá trị tài sản (như hàng tồn kho, tài sản cố định, ...);
- Loại trừ các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đang phản ánh trong giá trị tài sản như hàng tồn kho hoặc tài sản cố định khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được;
- Xác định phần lãi hoặc lỗ của Công ty mẹ và Công ty con trong Công ty liên kết, liên doanh theo phương pháp vốn chủ;
- Xác định lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số;
- Xác định lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ.

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo các bước sau:

- Hợp cộng các chỉ tiêu trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ của Công ty mẹ và Công ty con trong Tập đoàn;
- Loại trừ dòng tiền nội bộ giữa các Công ty trong nội bộ Tập đoàn.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

01. Tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt	2.916.464.480	1.746.647.466
- Tiền gửi ngân hàng	17.789.550.447	22.874.401.175
- Tiền đang chuyển	150.513.604	-
Cộng	20.856.528.531	24.621.048.641

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

02. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
- <i>Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn</i>	48.700	2.657.119.286	8.200	957.119.286
+ Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	1.500	57.094.286	1.000	57.094.286
+ Công ty Cổ phần Cấp và Vật liệu Viễn Thông	7.200	900.025.000	7.200	900.025.000
+ Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn	40.000	1.700.000.000	-	-
- <i>Trái phiếu đầu tư ngắn hạn</i>	-	-	-	-
- <i>Đầu tư ngắn hạn khác (cho vay)</i>		261.920.834.556		-
+ Công ty CP Đầu tư Alphanam		139.131.626.716		-
+ Công ty CP đầu tư và XD Hạ Tầng Alphanam		560.834.453		-
+ Công ty CP Địa ốc Alphanam		97.300.379.154		-
+ Công ty CP Đầu tư Minh Nguyễn		738.660.000		-
+ Ông Nguyễn Hữu Việt		24.189.334.233		-
- <i>Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn</i>		(1.185.381.600)		(694.101.600)
+ Công ty Cổ phần Cấp và Vật liệu Viễn Thông		(765.381.600)		(694.101.600)
+ Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn		(420.000.000)		-
Cộng		263.392.572.242		263.017.686

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trưng Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

03. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Phải thu về cổ phần hóa	-	-
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	-	-
- Phải thu người lao động	-	-
- Phải thu khác	31.006.704.517	2.729.490.065
+ Công ty CP Động Lực	-	940.800.000
+ Ông Phạm Phú Kiềm	220.000.000	220.002.500
+ Phải thu Bà Đỗ Thúy Nga tiền bán cổ phần	2.110.000.000	-
+ Phải thu lại khoản đã ứng do hủy hợp đồng Công ty CP Hùng Tiến Kim Sơn	22.941.040.000	-
+ Lãi dự thu	2.582.822.115	648.328.976
+ Khác	3.152.842.402	920.358.589
Cộng	31.006.704.517	2.729.490.065

04. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Hàng mua đang đi đường	1.572.079.173	-
- Nguyên liệu, vật liệu	92.380.859.215	44.946.845.313
- Công cụ, dụng cụ	541.487.183	369.232.011
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	69.706.340.024	84.206.023.642
- Thành phẩm	34.386.812.171	22.803.784.862
- Hàng hoá	32.498.834.759	18.348.926.394
- Hàng gửi đi bán	231.778.374	324.190.500
Cộng giá gốc của hàng tồn kho	231.318.190.899	170.999.002.722

05. Thuế và các khoản phải thu nhà nước

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	23.715.799	-
- Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	1.867.786	-
- Các khoản khác phải thu Nhà nước	-	-
Cộng	25.583.585	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

06. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, Vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện Vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ, quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá						
Số dư đầu năm	58.466.297.266	50.915.015.229	21.372.701.908	2.503.854.975	1.793.213.623	135.051.083.001
- Mua trong năm	-	6.869.991.854	8.762.549.907	4.388.781.916	195.834.727	20.217.158.404
- Tăng khác	-	10.439.345	-	11.471.760	-	21.911.105
- Tăng (giảm) do hợp nhất kinh doanh	-	(701.542.628)	-	-	-	(701.542.628)
- Thanh lý, nhượng bán	-	(18.200.000)	(673.458.173)	-	-	(691.658.173)
- Giảm do thanh lý Cty con	(10.545.455.000)	-	-	(34.181.818)	-	(10.579.636.818)
- Giảm khác	-	-	(31.911.105)	-	-	(31.911.105)
Số dư cuối năm	47.920.842.266	57.075.703.800	29.429.882.537	6.869.926.833	1.989.048.350	143.285.403.786
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	15.421.709.326	15.575.246.406	6.373.982.089	1.524.963.395	986.149.908	39.882.051.124
- Khấu hao trong năm	2.735.149.702	7.439.054.352	2.990.199.936	788.023.066	275.321.265	14.227.748.321
- Tăng khác	-	10.439.345	-	11.471.760	-	21.911.105
- Tăng (giảm) do hợp nhất kinh doanh	-	(391.288.123)	-	-	-	(391.288.123)
- Thanh lý, nhượng bán	-	(3.033.336)	(432.859.232)	-	-	(435.892.568)
- Giảm do thanh lý Cty con	-	-	-	(11.868.676)	-	(11.868.676)
- Giảm khác	-	-	(33.259.449)	-	-	(33.259.449)
Số dư cuối năm	18.156.859.028	22.630.418.644	8.898.063.344	2.312.589.545	1.261.471.173	53.259.401.734
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu năm	43.044.587.940	35.339.768.823	14.998.719.819	978.891.580	807.063.715	95.169.031.877
2. Tại ngày cuối năm	29.763.983.238	34.445.285.156	20.531.819.193	4.557.337.288	727.577.177	90.026.002.052

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

07. Tài sản cố định thuê tài chính

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính				
<i>Số dư đầu năm</i>	-	-	-	-
- Thuê tài chính trong năm	-	2.164.376.238	-	2.164.376.238
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	-	-	-
- Tặng khác	-	-	-	-
- Trả lại TSCĐ thuê tài chính	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	-	2.164.376.238	-	2.164.376.238
II. Giá trị hao mòn lũy kế				
<i>Số dư đầu năm</i>	-	-	-	-
- Khấu hao trong năm	-	288.583.480	-	288.583.480
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	-	-	-
- Tặng khác	-	-	-	-
- Trả lại TSCĐ thuê tài chính	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	-	288.583.480	-	288.583.480
III. Giá trị còn lại của TSCĐ thuê tài chính				
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	-	-	-	-
<i>2. Tại ngày cuối năm</i>	-	1.875.792.758	-	1.875.792.758

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

08. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Phần mềm kế toán	Tổng cộng
I. Nguyên giá				
Số dư đầu năm	11.415.741.416		1.354.648.979	12.770.390.395
- Mua trong năm	-	-	504.497.205	504.497.205
- Tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp	-	-	-	-
- Tặng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-
- Tặng khác	-	-	10.000.000	10.000.000
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối năm	11.415.741.416	-	1.869.146.184	13.284.887.600
II. Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	1.990.342.984		358.704.748	2.349.047.732
- Khấu hao trong năm	357.276.756	-	284.229.757	641.506.513
- Tặng khác	-	-	1.348.344	1.348.344
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối năm	2.347.619.740	-	644.282.849	2.991.902.589
III. Giá trị còn lại				
1. Tại ngày đầu năm	9.425.398.432	-	995.944.231	10.421.342.663
2. Tại ngày cuối năm	9.068.121.676	-	1.224.863.335	10.292.985.011

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trưng Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

09. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối năm	Số đầu năm
Bao gồm các công trình:		
- Công trình Sakura Hotel	-	7.082.599.062
- Máy pha màu tự động	-	83.341.393
- Chi phí mua văn phòng tại Hồ Chí Minh	907.530.331	-
- Chi phí mua đất	4.000.000.000	-
- Khác	17.455.818	-
Cộng	4.924.986.149	7.165.940.455

10. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
I. Nguyên giá bất động sản đầu tư	49.500.000.000	2.607.000.000	49.500.000.000	2.607.000.000
- Quyền sử dụng đất	49.500.000.000	2.607.000.000	49.500.000.000	2.607.000.000
- Nhà	-	-	-	-
- Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-
II. Giá trị hao mòn lũy kế	-	-	-	-
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	-	-	-	-
- Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-
III. Giá trị còn lại của bất động sản đầu tư	49.500.000.000	2.607.000.000	49.500.000.000	2.607.000.000
- Quyền sử dụng đất	49.500.000.000	2.607.000.000	49.500.000.000	2.607.000.000
- Nhà	-	-	-	-
- Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM
Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

11. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

b- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hà Tây

- Công ty CP Pacific - Alphanam Việt Nam

Cộng

c- Đầu tư dài hạn khác

- *Đầu tư cổ phiếu*

+ Công ty Cổ phần Xây dựng 565

+ Công ty Cổ phần Picensa Việt Nam

+ Công ty Cổ phần Tập đoàn Phú Thái

+ Công ty Cổ phần Động Lực

+ Công ty Cổ phần Sao đỏ Đà Nẵng

+ Công ty Cổ phần CK Thái Bình Dương

+ Công ty Cổ phần XD & TM Sơn Tây

+ Công ty Cổ phần Đầu tư XD Hà Tây

+ Công ty Cổ phần Alphanam - Cienco 4

+ Công ty CP Hùng Tiến Kim Sơn

+ Công ty Cổ phần Địa ốc alphanam

+ Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng Alphamam (Tên cũ là Công ty

Cổ phần 118)

Số cuối năm		Số đầu năm	
Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
1.278.654	20.602.343.924	-	-
196.000	1.963.385.466	-	-
	22.565.729.390		
	288.962.457.108		309.846.718.800
-	-	119.323	1.268.678.800
-	-	1.250.000	56.250.000.000
3.402.000	136.500.000.000	3.150.000	136.500.000.000
1.881.600	45.911.040.000	1.881.600	45.911.040.000
-	-	1.680.000	27.460.000.000
-	-	420.000	4.200.000.000
-	-	360.000	3.600.000.000
-	-	-	10.000.000.000
-	-	193.200	1.657.000.000
143.000	23.551.417.108	-	-
5.465.500	60.000.000.000	-	-
2.300.000	23.000.000.000	2.300.000	23.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Mới A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối năm		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	
- Đầu tư trái phiếu					
+ Trái phiếu chuyển đổi của Công ty CP CK Sài Gòn	-	-	2.000	1.708.000.000	
+ Trái phiếu xây dựng thủ đô	-	-	25	1.700.000.000	
+ Công trái Giáo dục	-	-	60	5.000.000	
+ Trái phiếu Công ty CP Viễn Thông Thăng Long	1.000.000	10.000.000.000	-	3.000.000	
- Đầu tư tín phiếu, kỳ phiếu					
- Cho vay dài hạn					
+ Công ty CP Hưng Tiến Kim Sơn		86.326.177.870		-	
+ Các đối tượng khác		71.826.177.870		-	
		14.500.000.000		-	
Cộng		385.288.634.978		311.554.718.800	
d. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn					
+ Đầu tư trái phiếu chuyển đổi của Công ty CP chứng khoán Sài Gòn	-	-		(10.000.000)	
+ Công ty Cổ phần Alphanam Cơ điện	-	-		-	
Cộng				(10.000.000)	
Tổng cộng		407.854.364.368		311.544.718.800	

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

12. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chi phí trước hoạt động	-	-
- Giá trị công cụ dụng cụ đã xuất dùng	2.645.531.344	1.955.048.346
- Chi phí khảo sát thị trường	87.286.801	-
- Chi phí sửa chữa	603.148.355	474.238.001
- Chi phí bảo hiểm	14.790.081	17.251.463
- Chi phí khác	-	2.297.626
Cộng	3.350.756.581	2.448.835.436

13. Lợi thế thương mại

	Số đầu năm	Số phát sinh tăng	Số kết chuyển vào chi phí	Giảm khác (*)	Số cuối năm
Công ty Cổ phần Alphanam Miền Trung	2.639.651.147	11.700.000.000	2.284.912.787	-	12.054.738.360
Công ty Cổ phần Dầu tư và Phát triển hạ tầng Vinaconex – Alphanam	1.322.495.562	168.000.000	479.175.426	-	1.011.320.136
Công ty Cổ phần Hùng Tiến Kim Sơn	23.394.686.787	-	-	23.394.686.787	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Đông Á	56.955.951.093	-	5.943.229.678	-	51.012.721.415
Cộng	84.312.784.589	11.868.000.000	8.707.317.891	23.394.686.787	64.078.779.911

(*) Giảm khác là do thanh lý Công ty con.

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trưng Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

14. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Vay ngắn hạn</i>	256.668.957.480	160.412.804.758
- Vay ngân hàng	242.654.007.480	119.030.694.842
+ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	49.941.193.040	20.619.577.631
+ Ngân hàng TMCP Quân đội	168.795.829.979	54.659.008.228
+ Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội	-	15.500.000.000
+ Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	4.004.186.664	23.142.038.186
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương	3.797.797.797	5.110.070.797
+ Ngân hàng TNHH MTV HSBC	5.600.000.000	-
+ Công ty CP chứng khoán Ngân hàng NN & PTNT Việt Nam	10.515.000.000	-
- Vay đối tượng khác	14.014.950.000	41.382.109.916
+ Công ty CP Alphanam - Cenco 4	40.000.000	90.000.000
+ Bà đồ Thị Minh Anh	11.856.000.000	12.279.514.504
+ Vay ngắn hạn tổ chức, cá nhân khác	118.950.000	29.012.595.412
+ Công ty Cổ phần Facific - Alpha Việt Nam	2.000.000.000	-
<i>Vay và nợ dài hạn đến hạn trả</i>	8.440.330.952	5.605.326.327
+ Vay dài hạn đến hạn trả	8.064.721.412	5.605.326.327
+ Nợ dài hạn đến hạn trả	375.609.540	-
Cộng	265.109.288.432	166.018.131.085

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra	7.793.782.665	6.311.137.669
- Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	713.146.269	945.482.161
- Thuế xuất, nhập khẩu	237.366.107	147.692.466
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.531.349.192	2.125.461.944
- Thuế thu nhập cá nhân	71.235.087	90.379.959
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	236.971.000	-
Cộng	16.583.850.320	9.620.154.199

16. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chi phí nhận thang máy tại cảng	-	87.625.239
- Thù lao HĐQT và BKS quý 4/2009	-	60.000.000
- Chi phí nhập khẩu sơn tại cảng	-	28.191.590
- Chi phí lãi vay	947.709.067	32.691.000
- Chi phí thưởng cho các đại lý	4.479.017.532	-
- Chi phí thuê nhà	184.665.000	229.509.180
- Chi phí thí nghiệm điện	136.849.327	785.568.394
- Chi phí khác	1.341.081.767	425.963.368
Cộng	7.089.322.693	1.649.548.771

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trưng Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

17. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tài sản thừa chờ giải quyết	58.817.892	2.136.860
- Kinh phí công đoàn	618.765.584	299.195.345
- Bảo hiểm xã hội	59.577.000	21.504.233
- Bảo hiểm y tế	4.068.000	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	-	-
- Phải trả về cổ phần hóa	-	-
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.387.017.756	51.293.169.349
+ Ông Lâm Sơn Tùng	-	7.000.000.000
+ Tổng Công ty XNK Xây dựng Việt Nam	-	-
+ Công ty TNHH Phong Nam	-	441.063.000
+ Cổ tức phải trả Japan Việt Nam Growth L.P	-	540.000.000
+ Cổ tức phải trả Fujiliet&Escalator ManufacturingSDn.BHD	213.200.000	149.200.000
+ Cổ tức phải trả Fuji Elevator Co.,Ltd	213.200.000	149.200.000
+ Công ty TNHH Cavico Việt Nam	-	2.000.000.000
+ Công ty Cổ phần Tập đoàn đại ốc Viễn đông	-	2.500.000.000
+ Ông Nguyễn Duy Uẩn	-	2.500.000.000
+ Ông Nguyễn Tuấn Hải	6.000.000	33.506.606.205
+ Công ty Lâm Sơn Tùng tiền vay	523.759.804	-
+ Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.430.857.952	2.507.100.144
Cộng	3.128.246.232	51.616.005.787

18. Vay và nợ dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn	109.198.547.613	8.410.164.496
- Vay ngân hàng	9.198.547.613	8.410.164.496
+ Ngân hàng TMCP Quân đội	9.066.725.225	6.686.407.543
+ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	-	1.352.574.565
+ Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	104.460.000	343.820.000
+ Ngân hàng ANZ - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	27.362.388	27.362.388
- Vay đối tượng khác	-	-
- Trái phiếu phát hành	100.000.000.000	-
Nợ dài hạn	1.244.713.491	-
- Thuê tài chính	1.244.713.491	-
- Nợ dài hạn khác	-	-
Cộng	110.443.261.104	8.410.164.496

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

19. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	389.999.950.000	230.000.000.000	(4.112.500.000)	-	4.649.596.131	25.918.700	2.802.399.033	38.805.257.320	662.170.621.184
Phát hành cổ phiếu thường	48.203.980.000	(48.203.980.000)	-	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	41.006.320.711	41.006.320.711
Tăng do đánh giá lại cuối năm	-	-	-	5.035.776.186	-	-	-	-	5.035.776.186
Cổ phiếu Công ty con đầu tư vào Công ty mẹ	-	-	(39.000.000)	-	-	-	-	-	(39.000.000)
Phân phối lợi nhuận năm trước	-	-	-	-	-	244.674.975	1.030.587.438	(52.227.488.981)	(50.952.226.568)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	(25.000.000)	-	(25.000.000)
Số dư cuối năm trước	438.203.930.000	181.796.020.000	(4.151.500.000)	5.035.776.186	4.649.596.131	270.593.675	3.807.986.471	27.584.089.050	657.196.491.513
Số dư đầu năm nay									
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	68.698.502.687	68.698.502.687
Bán cổ phiếu quỹ Công ty con đầu tư vào Công ty Mẹ	-	-	4.151.500.000	-	-	-	-	-	4.151.500.000
Tăng do đánh giá công nợ ngoại tệ cuối năm	-	-	-	5.884.684.682	-	-	-	-	5.884.684.682
Tăng từ phân phối lợi nhuận tại Công ty con	-	-	-	-	-	164.494.303	-	(164.494.303)	-
Giảm do phân phối quỹ khen thưởng phúc lợi tại Cty con	-	-	-	-	-	-	-	(1.291.727.799)	(1.291.727.799)
Hoàn nhập đánh giá công nợ ngoại tệ cuối năm trước	-	-	-	(5.035.776.186)	-	-	-	-	(5.035.776.186)
Số dư cuối năm nay	438.203.930.000	181.796.020.000	-	5.884.684.682	4.649.596.131	435.087.978	3.807.986.471	94.826.369.635	729.603.674.897

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trưng Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Vốn góp của Nhà nước	-	-
- Vốn góp của các đối tượng khác	438.203.930.000	438.203.930.000
Cộng	438.203.930.000	438.203.930.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	438.203.930.000	389.999.950.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	48.203.980.000
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	438.203.930.000	438.203.930.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	48.203.993.400

d. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	43.820.400	43.820.400
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	43.820.393	43.820.393
+ Cổ phiếu phổ thông	43.820.393	43.820.393
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	68.900
+ Cổ phiếu phổ thông	-	68.900
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	43.820.393	43.751.493
+ Cổ phiếu phổ thông	43.820.393	43.751.493
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

e. Các quỹ của doanh nghiệp

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển	4.649.596.131	4.649.596.131
- Quỹ dự phòng tài chính	435.087.978	270.593.675
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	3.807.986.471	3.807.986.471
Cộng	8.892.670.580	8.728.176.277

g. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	68.698.502.687	41.006.320.711
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	68.698.502.687	41.006.320.711
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	43.820.393	43.816.493
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.568	936

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

20. Lợi ích của Cổ đông thiểu số

	Báo cáo của Công ty con	Phần lợi ích của Cổ đông thiểu số	Phần lợi ích của Công ty mẹ
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	362.000.000.000	109.757.200.000	252.242.800.000
- Thặng dư vốn cổ phần	-	-	-
- Vốn khác của chủ sở hữu	-	-	-
- Cổ phiếu quỹ (*)	-	-	-
- Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	-	-
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái	2.992.244.794	1.392.089.026	1.600.155.768
- Quỹ đầu tư phát triển	6.199.461.508	1.549.865.377	4.649.596.131
- Quỹ dự phòng tài chính	850.151.278	415.063.300	435.087.978
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	2.923.981.961	730.995.490	2.192.986.471
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	42.252.157.577	12.607.891.648	29.644.265.929
- Nguồn vốn đầu tư XDCB	-	-	-
- Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	-	-	-
Cộng	417.217.997.118	126.453.104.841	290.764.892.277

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu bán hàng hóa	431.073.857.058	587.406.010.850
- Doanh thu bán thành phẩm	439.370.527.201	506.801.722.867
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.416.028.352	-
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	363.520.419.697	12.953.418.904
Cộng	1.239.380.832.308	1.107.161.152.621

02. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay	Năm trước
- Chiết khấu thương mại	23.328.307.786	22.305.080.408
- Giảm giá hàng bán	31.625.272	737.576.157
- Hàng bán bị trả lại	13.930.276.816	6.903.988.897
Cộng	37.290.209.874	29.946.645.462

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

03. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	431.073.857.058	587.406.010.850
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	402.080.317.327	476.855.077.405
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	5.416.028.352	-
- Doanh thu thuần hoạt động xây dựng	363.520.419.697	12.953.418.904
Cộng	1.202.090.622.434	1.077.214.507.159

04. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	363.709.280.397	562.544.789.203
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	309.232.248.721	349.668.299.679
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.198.833.615	-
- Giá vốn của hoạt động xây dựng	299.906.904.309	9.775.977.031
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(1.106.486.770)
Cộng	974.047.267.042	920.882.579.143

05. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	9.325.783.666	2.461.481.410
- Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	2.142.469.256	18.019.000
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	972.480.000	6.175.810.900
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5.461.007.887	928.830.924
- Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư	65.192.164.904	168.848.115
- Lãi bán hàng trả chậm	319.863.728	1.870.643.883
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	442.515.224	67.037.669
Cộng	83.856.284.665	11.690.671.901

06. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền vay	32.498.628.169	13.344.807.589
- Chiết khấu thanh lãi bán hàng trả chậm	2.599.361.395	-
- Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	48.398.800.518	27.891.266.200
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5.056.836.624	1.550.286
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	5.295.705.796
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	-	(2.291.437.686)
- Trích lập dự phòng các khoản đầu tư	481.280.000	-
Cộng	89.034.906.706	44.241.892.185

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trưng Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

07. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	12.475.236.168	2.447.048.484
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	12.475.236.168	2.447.048.484

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Không có thông tin

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**01. Thông tin về các bên liên quan**

1.1 Các bên liên quan có mối quan hệ kinh doanh với Công ty trong năm bao gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng công ty Cổ phần Đầu tư và XNK Foodinco	Công ty có cùng chủ tịch HĐQT
Công ty Cổ phần Viễn thông Thăng Long	Công ty có cùng chủ tịch HĐQT
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng hạ tầng Alphanam	Công ty có cùng chủ tịch HĐQT
Công ty Cổ phần Địa Ốc Alphanam	Công ty có cùng chủ tịch HĐQT
Công ty Cổ phần Pacific – Alphanam Việt Nam	Công ty có cùng chủ tịch HĐQT
Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam	Công ty có cùng chủ tịch HĐQT

1.2 Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu trong năm như sau:

1.2.1 Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

	<u>Năm nay</u>
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	
Vay tiền của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	159.373.174.205
Trả tiền vay cho Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	199.394.100.401

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

1.2.2 Các nghiệp vụ phát sinh chính trong năm giữa các Công ty và các Công ty con với các Công ty có liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

Năm nay

Tổng công ty Cổ phần Đầu tư và XNK Foodinco

Bán hàng trong năm	16.450.702.770
Thanh toán tiền hàng trong năm	17.705.794.723
Mua hàng trong năm	35.986.834.642
Thanh toán tiền mua hàng	39.203.834.836
Bán trái phiếu chuyển đổi	100.000.000.000
Thu tiền bán trái phiếu	100.000.000.000
Phải trả lãi trái phiếu	5.833.333.333

Công ty Cổ phần Cáp Thăng Long

Phải trả tiền chi hộ tiền mua đất tại hồ Thùng Vung, xã Lạc Hồng, huyện Văn Lâm, Hưng yên	4.000.000.000
Thanh toán tiền mua đất	4.000.000.000
Chuyển tiền góp vốn	10.000.000.000
Bán hàng trong năm	78.358.847.138
Chuyển tiền thanh toán và ứng trước	83.774.921.546

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng hạ tầng Alphanam

Mua hàng	97.514.122
Cho vay	1.560.834.453
Trả nợ vay	500.000.000
Lãi vay phải thu	7.684.000

Công ty Cổ phần Địa ốc Alphanam

Cho vay	48.106.757.300
Chuyển nợ vay thành vốn góp	41.893.242.700
Chuyển tiền góp vốn	18.106.757.300

Công ty Cổ phần Pacific - Alphanam

Chi tiền góp vốn	1.960.000.000
Vay tiền	2.030.000.000
Chi trả nợ vay	30.000.000
Mua hàng hóa	1.041.292.009

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Năm nay

Công ty Cổ phần Địa ốc Alphanam

Cho vay vốn	49.193.621.854
Lãi vay phải thu	2.208.872.715
Bán cổ phiếu của Công ty Cổ phần Hùng Tiến Kim Sơn (322.265 cổ phiếu)	69.114.401.294

1.3 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, số dư công nợ của Công ty và các Công ty con với các bên liên quan

1.3.1 Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công nợ phải trả	11.856.000.000	39.884.753.205
Cộng nợ phải trả	11.856.000.000	39.884.753.205

1.3.2 Công nợ với các Công ty liên quan khác như sau:

	Số cuối năm
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng hạ tầng Alphanam	
Phải thu tiền cung cấp hàng hóa	107.265.534
Đầu tư ngắn hạn khác (cho vay)	560.834.453
Công ty Cổ phần Địa Ốc Alphanam	
Phải thu tiền cho vay	48.106.575.300
Đầu tư ngắn hạn khác (cho vay)	49.193.621.854
Công ty Cổ phần Pacific - Alphanam Việt Nam	
Các khoản phải thu khác	1.500.000
Phải thu về mua hàng hóa	1.145.421.210
Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư và XNK Foodinco	
Phải trả về trái phiếu phát hành	100.000.000.000
Phải thu về bán hàng hóa	34.901.850
Công ty Cổ phần Pacific - Alphanam Việt Nam	
Phải trả về tiền vay	2.000.000.000
Công ty Cổ phần Viễn thông Thăng Long	
Phải trả về tiền hàng ứng trước	5.416.074.408

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

1.4 Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay
Tiền lương	3.662.251.000
Thù lao	430.775.000
Cộng	<u>4.093.026.000</u>

02. Những giao dịch lớn có ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động kinh doanh trong năm 2010:

- Ngày 05 tháng 01 năm 2010, Công ty bán 1.250.000 Cổ phiếu Picenza cho Ông Nguyễn Văn Hùng với giá 10.000 VND/cổ phiếu, thành tiền: 12.500.000.000 VND, lỗ phát sinh: 43.750.000.000 VND.
- Ngày 02 tháng 03 năm 2010, Công ty bán 2.746.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần Sao đỏ Đà Nẵng cho Công ty Cổ phần Delta Việt Nam, số tiền: 54.920.000.000 VND, lãi 27.460.000.000 VND.
- Ngày 12 tháng 3 năm 2010, Công ty bán 500.000 cổ phiếu Alphanam Cơ điện cho Quỹ phát triển Nhật bản, lãi 11.200.000.000 VND
- Ngày 12 tháng 3 năm 2010, Công ty bán 676.000 cổ phiếu Alphanam Cơ điện cho East Wing, lãi 6.760.000.000 VND.

03. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH kiểm toán và Tư vấn tại Hà Nội.

04. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Hưng Yên, ngày 08 tháng 4 năm 2011

Người lập biểu



Nguyễn Văn Anh

Kế toán trưởng



Đỗ Quang Phong

Tổng Giám đốc



Nguyễn Tuấn Hải